Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 21.02.2019 09:51:01 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 110/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về quản lý hoạt động thuê, mua tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư và dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư tàu bay;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung[1].

---

[1] Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 có căn cứ ban hành như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

1. Thủ tục và yêu cầu:

a) Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Đăng ký Điều lệ vận chuyển của các hãng hàng không Việt Nam;

c)[2] Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài;

d)[3] Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

"Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 110/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về quản lý hoạt động thuê, mua tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư và dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư tàu bay;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung."

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

[3] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

đ) Cấp quyền vận chuyển hàng không;

e) Phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không.

2. Nghĩa vụ tối thiểu của hãng hàng không đối với hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm, khởi hành sớm, chuyến bay bị hủy, hành khách bị từ chối vận chuyển.

3. Kiểm tra, giám sát hoạt động của các hãng hàng không, việc duy trì các điều kiện được cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung; việc thực hiện nghĩa vụ đối với hành khách, hành lý, hàng hóa của các hãng hàng không; hoạt động của các tổ chức khác liên quan đến vận chuyển hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động thuê, cho thuê tàu bay, hoạt động vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung tại Việt Nam.

Chương II
KẾ HOẠCH KHAI THÁC ĐỘI TÀU BAY VÀ VIỆC THUÊ, CHO THUÊ TÀU BAY

Điều 3. Kế hoạch khai thác đội tàu bay của doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không (sau đây gọi là hãng hàng không) và doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung Việt Nam[4]

1. Hãng hàng không và doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung có trách nhiệm xây dựng kế hoạch khai thác đội tàu bay của doanh nghiệp hàng năm, trung hạn (5 năm) và dài hạn (từ 10 năm trở lên) để thực hiện hoạt động vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung tại Việt Nam.

2. Kế hoạch khai thác đội tàu bay đối với hãng hàng không phải có các nội dung sau:

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

a) Dự báo nhu cầu của thị trường vận chuyển hàng không nội địa, quốc tế, từng đường bay mà hãng dự kiến khai thác;

b) Dự kiến mạng đường bay; sản lượng vận chuyển, luân chuyển (hành khách, hàng hóa); hệ số sử dụng tải; thị phần của hãng trên toàn mạng quốc tế, nội địa và trên từng đường bay;

c) Số lượng theo loại tàu bay dự kiến khai thác toàn mạng; loại tàu bay dự kiến khai thác trên từng đường bay của hãng;

d) Kế hoạch đảm bảo nguồn lực (nhân lực, tài chính) để khai thác, bảo dưỡng đội tàu bay.

3. Kế hoạch khai thác đội tàu bay đối với doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung phải có các nội dung sau:

a) Dự báo nhu cầu của thị trường hàng không chung mà doanh nghiệp dự kiến khai thác;

b) Dự kiến mạng đường bay, khu vực hoạt động hàng không chung, số lượng giờ khai thác tàu bay;

c) Số lượng theo loại tàu bay dự kiến khai thác toàn mạng; loại tàu bay dự kiến khai thác trên từng đường bay, khu vực hoạt động hàng không chung của doanh nghiệp;

d) Kế hoạch đảm bảo nguồn lực (nhân lực, tài chính) để khai thác, bảo dưỡng đội tàu bay.

4. Hãng hàng không, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch khai thác đội tàu bay theo thời hạn:

a) Đối với kế hoạch hàng năm, trước ngày 01 tháng 11 của năm trước năm kế hoạch;

b) Đối với kế hoạch trung hạn và dài hạn, báo cáo trước 60 ngày kể từ ngày dự kiến bắt đầu kế hoạch.

5. Trong trường hợp các nội dung của kế hoạch khai thác đội tàu bay tại khoản 2 hoặc khoản 3 của Điều này được sửa đổi, bổ sung, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam trong vòng 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp quyết định sửa đổi, bổ sung kế hoạch.

Điều 4. Thủ tục chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo, giải trình các nội dung: Hình thức thuê; tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp đồng thuê tàu bay; thời hạn thuê; số lượng, loại và tuổi tàu bay thuê; quốc tịch tàu bay; giấy chứng nhận liên quan đến tàu bay; thỏa thuận về việc mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hành khách, hành lý, hàng hóa và đối với người thứ ba ở mặt đất; tổ chức chịu trách nhiệm khai thác, bảo dưỡng tàu bay theo Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay.

c) Bản sao hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay;

d) Bản sao tài liệu khẳng định tư cách pháp lý và hoạt động kinh doanh của bên thuê (trong trường hợp cho thuê), bên cho thuê tàu bay (trong trường hợp thuê), người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay;

đ) Bản sao tài liệu về các thông số kỹ thuật của tàu bay;

e) Bản sao tài liệu thể hiện quyền (chiếm hữu, sở hữu, sử dụng) của bên cho thuê đối với tàu bay; đối với trường hợp thuê tàu bay có tổ bay, cho thuê tàu bay không có tổ bay cần bổ sung Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay, chứng chỉ bảo hiểm;

g) Bản mô tả hình ảnh, thương hiệu gắn bên ngoài tàu bay.

2. Doanh nghiệp Việt Nam có tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước từ 30% trở lên đề nghị chấp thuận việc thuê tàu bay, ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này, thành phần hồ sơ bổ sung bao gồm:

a) Báo cáo, giải trình việc thực hiện các quy định về hình thức, trình tự, phương thức lựa chọn nhà thầu cho thuê tàu bay; chào hàng cạnh tranh; phương pháp đánh giá hồ sơ đề xuất cho thuê tàu bay;

b) Văn bản phê duyệt hợp đồng thuê tàu bay với đối tác nước ngoài của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay của tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

Điều 5. Yêu cầu đối với việc thuê, cho thuê tàu bay

1. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay phải khai thác, kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với các quyền vận chuyển hàng không được cấp.

2. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay không cho bất kỳ người nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ việc sử dụng quyền vận chuyển hàng không ngoài giá thuê thỏa thuận theo thời gian khai thác hoặc thuê bao cùng với các chi phí liên quan trực tiếp khác.

3. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ tham gia và giải trình việc thuê, cho thuê tàu bay.

4. Trước khi đưa tàu bay vào khai thác, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo và cung cấp cho Cục Hàng không Việt Nam giấy tờ liên quan đến việc tạm nhập tái xuất tàu bay (đối với việc thuê tàu bay) và tạm xuất tái nhập tàu bay (đối với việc cho thuê tàu bay) của cơ quan Hải quan.

5. Trường hợp thuê tàu bay có thời hạn không quá 07 ngày liên tục quy định tại Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam về việc bên cho thuê có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay phù hợp.

6. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam các trường hợp vi phạm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay; việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn hiệu lực của việc thuê, cho thuê tàu bay, thời gian thực tế đưa tàu bay ra khỏi Việt Nam (đối với việc thuê tàu bay), đưa tàu bay về Việt Nam (đối với việc cho thuê tàu bay) để thực hiện kiểm tra, giám sát.

Chương III
ĐIỀU LỆ VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

Điều 6. Ban hành Điều lệ vận chuyển

1. Hãng hàng không có trách nhiệm xây dựng, đăng ký và ban hành Điều lệ vận chuyển của hãng phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Điều lệ vận chuyển phải bao gồm các nội dung sau: quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển; quyền và nghĩa vụ của khách hàng; vé; giá dịch vụ vận chuyển và điều kiện áp dụng; đặt giữ chỗ; lịch bay; quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển trong trường hợp gián đoạn, chậm chuyến, khởi hành sớm, hủy chuyến bay, từ chối và hạn chế chuyên chở; nghĩa vụ hoàn trả tiền; trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho hành khách; vận chuyển hành khách đặc biệt.

Điều 7. Thủ tục đăng ký Điều lệ vận chuyển

1. Hãng hàng không đề nghị đăng ký Điều lệ vận chuyển nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Điều lệ vận chuyển.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét và có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đăng ký Điều lệ vận chuyển. Trong trường hợp không chấp thuận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đề nghị đăng ký Điều lệ vận chuyển chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Điều 8. Nghĩa vụ tối thiểu của hãng hàng không đối với hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm, chuyến bay bị hủy, khởi hành sớm, hành khách bị từ chối vận chuyển

1.[5] Chuyến bay bị chậm là chuyến bay có giờ khởi hành thực tế (tính từ thời điểm rút chèn tàu bay) muộn hơn 15 phút so với thời gian dự kiến cất cánh theo lịch bay căn cứ. Lịch bay căn cứ là phiên bản cuối cùng lịch bay ngày của hãng hàng không được cập nhật tới Cục Hàng không Việt Nam, các Cảng vụ hàng không, các Công ty Quản lý bay khu vực liên quan không muộn hơn 22h00 giờ Hà Nội (15h00 UTC) của ngày hôm trước ngày khai thác.

2. Trong trường hợp chuyến bay bị chậm, hãng hàng không có nghĩa vụ:

a) Cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin cho hành khách theo phương thức thích hợp; phục vụ ăn, uống; bố trí nơi nghỉ, ngủ phù hợp theo quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành;

b) Chuyển đổi hành trình phù hợp cho hành khách hoặc chuyển sang chuyến bay khác: đối với chuyến bay chậm từ 02 giờ trở lên, trong phạm vi cung cấp dịch vụ vận chuyển của hãng hàng không, phải thực hiện việc chuyển đổi hành trình để hành khách tới được điểm cuối của hành trình, miễn trừ điều kiện hạn chế về chuyển đổi hành trình hoặc chuyển đổi chuyến bay và phụ thu liên quan (nếu có) cho hành khách;

c) Bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp các chuyến bay chậm kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành;

d) Hoàn trả tiền vé cho hành khách: trong trường hợp chuyến bay chậm từ 05 giờ trở lên, hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng theo sự lựa chọn của hành khách tại cảng hàng không hoặc tại các văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc đại lý bán vé do hãng hàng không chỉ định. Việc hoàn vé cho hành khách được quy định như sau:

(i) Miễn trừ điều kiện hạn chế về hoàn vé và phí hoàn vé (nếu có);

(ii) Vé hoàn toàn chưa được sử dụng, khoản chi hoàn sẽ bằng số tiền vé mà hành khách đã trả; tiền vé bao gồm các khoản: giá dịch vụ vận chuyển; các khoản

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

thuế, phí do Nhà nước quy định, giá dịch vụ soi chiếu an ninh, giá phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay mà hãng hàng không thu hộ; và các khoản phụ thu khác có liên quan theo hóa đơn hợp pháp do hành khách cung cấp;

(iii) Vé đã được sử dụng một phần, khoản chi hoàn sẽ không thấp hơn chênh lệch giữa tiền vé đã trả và tiền vé, các dịch vụ khác đã sử dụng cho hành trình của hành khách.

3.[6] Chuyến bay bị hủy là chuyến bay không được thực hiện trên cơ sở lịch hủy của hãng hàng không.

4. Trường hợp chuyến bay bị hủy, hành khách bị từ chối vận chuyển hãng hàng không có trách nhiệm:

a) Thông báo cho hành khách biết lý do của việc chuyến bay bị hủy, bị từ chối vận chuyển;

b) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 của Điều này;

c) Thực hiện nghĩa vụ thay thế các nghĩa vụ quy định tại điểm b của khoản này theo thỏa thuận với hành khách;

d) Được miễn thực hiện các nghĩa vụ tại điểm a, b, c khoản này đối với trường hợp hành khách bị từ chối vận chuyển theo quy định tại Điều 146 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

5.[7] Chuyến bay khởi hành sớm là chuyến bay có giờ khởi hành thực tế (tính từ thời điểm rút chèn tàu bay) sớm hơn thời gian dự kiến cất cánh theo lịch bay căn cứ.

6. Trường hợp chuyến bay khởi hành sớm, hãng hàng không có trách nhiệm:

a) Thông báo cho hành khách biết lý do của việc chuyến bay khởi hành sớm;

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

b) Thực hiện nghĩa vụ đối với hành khách đã xác nhận chỗ nhưng không thực hiện được chuyến bay theo trường hợp chuyến bay bị chậm chuyến theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 9. Vận chuyển hành khách đặc biệt

1. Hành khách đặc biệt bao gồm:

a) Hành khách là người khuyết tật;

b) Hành khách là người cao tuổi;

c) Hành khách là phụ nữ có thai;

d) Hành khách là trẻ em.

2. Hãng hàng không thực hiện các nghĩa vụ như đối với hành khách thông thường, đồng thời bố trí nhân viên chăm sóc, hỗ trợ; tổ chức và triển khai các loại hình dịch vụ hỗ trợ trong quá trình vận chuyển hành khách đặc biệt.

3. Miễn phí, cước vận chuyển công cụ hỗ trợ của hành khách đặc biệt.

4. Hãng hàng không quy định cụ thể loại dịch vụ hỗ trợ bắt buộc cho từng đối tượng hành khách đặc biệt, thời gian hành khách phải báo trước để được cung cấp dịch vụ hỗ trợ được quy định cụ thể trong Điều lệ vận chuyển và niêm yết tại các đại lý bán vé.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN, BÁN VÉ CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam[8]

1. Hãng hàng không nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

---

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các Giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không (bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh);

c) Bản sao Điều lệ hoạt động của hãng hàng không (bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh);

d) Bản sao các tài liệu xác nhận quyền sử dụng trụ sở nơi đặt Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé tại Việt Nam;

đ) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với văn bản bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này, trong trường hợp không cấp Giấp phép, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấp phép chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

3. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé có hiệu lực kể từ ngày ký và bị thu hồi trong trường hợp vi phạm các quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam hoặc theo đề nghị của hãng hàng không.

4. Trường hợp thay đổi một trong các nội dung của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé đã được cấp, hãng hàng không nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ.

a) Hồ sơ bao gồm: văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị thay đổi bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và cấp lại Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấp phép chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Hãng hàng không đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

6. Hãng hàng không đề nghị cấp lại Giấp phép do Giấp phép bị hỏng, bị mất thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Trong trường hợp Giấy phép bị thu hồi, Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định thu hồi Giấy phép và hãng hàng không phải chấm dứt ngay hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé.

Điều 11. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài[9]

1. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao thỏa thuận về việc ủy quyền đại diện tại Việt Nam giữa hãng hàng không nước ngoài và doanh nghiệp nhận đại diện.

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này, trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấp chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

3. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài có hiệu lực kể từ ngày ký và bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của doanh nghiệp;

b) Thỏa thuận về việc ủy quyền đại diện tại Việt Nam giữa hãng hàng không nước ngoài và doanh nghiệp nhận đại diện hết hiệu lực;

c) Doanh nghiệp ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài.

5. Trường hợp Giấy chứng nhận bị hỏng, bị mất hoặc thay đổi một trong các nội dung của Giấy chứng nhận đã được cấp, doanh nghiệp Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ.

a) Hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này, tài liệu liên quan đến đề nghị thay đổi nội dung trong trường hợp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấp chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

6. Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi, Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận và doanh nghiệp phải chấm dứt ngay hoạt động đại diện theo Giấy chứng nhận đã được cấp.

Điều 12. Thông báo, báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

1.[10] Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của các hãng hàng không nước ngoài, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có nghĩa vụ thông báo hoạt động của mình về Cục Hàng không Việt Nam bằng hình thức bản giấy hoặc bản điện tử hoặc fax theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Hãng hàng không, pháp nhân Việt Nam phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác nội dung của thông báo hoạt động.

2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam phải hoạt động tại trụ sở đã đăng ký và đăng tin trên một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp, với những nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Văn phòng giao dịch của pháp nhân Việt Nam;

b) Tên, địa chỉ trụ sở của hãng hàng không nước ngoài;

c) Người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân Việt Nam;

d) Danh sách người nước ngoài làm việc (tên, quốc tịch, số hộ chiếu và giấy phép lao động còn hiệu lực (nếu có);

đ) Số, ngày cấp, thời hạn của giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký;

e) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam đại diện cho hãng hàng không nước ngoài.

---

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

3.[11] Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài thực hiện báo cáo hoạt động định kỳ hàng năm theo Giấy phép, Giấy chứng nhận liên quan được cấp. Báo cáo gửi về Cục Hàng không Việt Nam bằng hình thức bản giấy hoặc bản điện tử hoặc fax trước ngày 31 tháng 01 năm kế tiếp theo mẫu quy định tại Phụ lục VII, Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này. Hãng hàng không, pháp nhân Việt Nam phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác nội dung của báo cáo hoạt động.

4. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam hoặc trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi nhân sự là người nước ngoài: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi;

b) Thay đổi nội dung ủy quyền hoạt động đại diện: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 13. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam đại diện cho hãng hàng không nước ngoài

1. Hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam đại diện cho hãng hàng không nước ngoài sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của hãng hàng không nước ngoài;

b) Hãng hàng không nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi hãng hàng không đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

c) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện bị thu hồi theo quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

d) Hợp đồng ủy quyền đại diện hết giá trị hiệu lực.

2. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam phải gửi thông báo về việc chấm

---

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

dứt hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, các chủ nợ, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thông báo phải nêu rõ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, được niêm yết công khai tại trụ sở Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé và pháp nhân Việt Nam, đăng tin trên một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp,

3. Hãng hàng không nước ngoài, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ khác với tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương V
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP

Điều 14. Thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp[12]

1. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận.

2. Doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù

---

[12] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao hợp đồng chỉ định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

d) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;

đ) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này, trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

4. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

5. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp do Cục Hàng không Việt Nam cấp có hiệu lực kể từ ngày ký và bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

6. Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi, Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận và doanh nghiệp phải chấm dứt ngay hoạt động đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp theo Giấy chứng nhận đã được cấp.

7. Doanh nghiệp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp thực hiện việc báo cáo hoạt động định kỳ hàng năm theo Giấy chứng nhận đã được cấp. Báo cáo gửi về Cục Hàng không Việt Nam bằng hình thức bản giấy hoặc bản điện tử hoặc fax trước ngày 31 tháng 01 của năm kế tiếp theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác nội dung của báo cáo hoạt động định kỳ hàng năm.

Điều 15. Yêu cầu đối với hoạt động cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không

1. Hoạt động cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không không phải là hoạt động vận chuyển hàng không của một hãng hàng không theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không chỉ được làm thủ tục giao nhận hàng hóa tại cảng hàng không, sân bay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

Chương VI
CẤP QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

Điều 16. Thủ tục cấp quyền vận chuyển hàng không

1. Hãng hàng không Việt Nam đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay;

c) Báo cáo về đường bay và kế hoạch khai thác dự kiến;

d) Bản sao tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân và Điều lệ của hãng.

2. Hãng hàng không nước ngoài đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ, ngoài các tài liệu tại khoản 1 Điều này, thành phần hồ sơ bao gồm: Văn bản của quốc gia hãng hàng không nước ngoài chỉ định hoặc xác nhận chỉ định hãng hàng không đó được quyền khai thác vận chuyển hàng không theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, thẩm định việc cấp hoặc không cấp quyền vận chuyển hàng không. Trong trường hợp không cấp quyền vận chuyển hàng không, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Điều 17. Căn cứ cấp quyền vận chuyển hàng không

1. Nhu cầu thị trường:

a) Đối với những đường bay mới chưa có hãng hàng không nào khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp trên cơ sở đề nghị của hãng hàng không dự định khai thác đường bay đó;

b) Đối với các đường bay đang khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp căn cứ kết quả khai thác trên các đường bay này tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền.

2. Khả năng của hãng hàng không:

a) Khả năng về tài chính, đội tàu bay, nhân lực;

b) Tính khả thi của kế hoạch khai thác tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền.

3. Cân đối mạng đường bay và mục tiêu phát triển kinh tế:

a) Khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng cảng hàng không, sân bay;

b) Sự phát triển ổn định và hợp lý của các đường bay;

c) Cân đối vận tải hàng không giữa các vùng, miền, có tính đến yếu tố kích cầu và khuyến khích khai thác đến các cảng hàng không tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa có nhu cầu thiết yếu về vận chuyển hàng không (đường bay thiết yếu), các cảng hàng không có lượng khai thác thấp, thực tế khai thác các đường bay thiết yếu của các hãng hàng không;

d) Phân bổ tải cung ứng hợp lý cho các hãng hàng không Việt Nam trên mạng đường bay,

Điều 18. Các loại hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không

1. Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không bao gồm các loại hợp đồng sau:

a) Hợp đồng liên danh;

b) Hợp đồng khác mà đối tượng trực tiếp là việc khai thác, sử dụng quyền vận chuyển hàng không.

2. Hợp đồng liên danh là hợp đồng trong đó có nội dung hãng hàng không sử dụng số hiệu chuyến bay của mình trên chuyến bay do hãng hàng không khác khai thác tại Việt Nam.

3. Yêu cầu đối với việc ký kết và thực hiện hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không bao gồm:

a) Hợp đồng phải có điều khoản quy định chỉ có hiệu lực sau khi được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt;

b) Các hãng hàng không tham gia hợp đồng có các quyền vận chuyển hàng không trên các đường bay tương ứng; việc phê duyệt hợp đồng phải đảm bảo quyền lợi chung của Việt Nam, của hãng hàng không Việt Nam;

c) Đối với hoạt động liên danh giữa các hãng hàng không nước ngoài trên các đường bay đến và đi từ Việt Nam, các hãng hàng không nước ngoài phải đệ trình lịch bay liên danh đến Cục Hàng không Việt Nam để xem xét phê duyệt theo quy định của điều ước quốc tế liên quan.

Điều 19. Thủ tục phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không

1. Hãng hàng không đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, thẩm định, đánh giá

nội dung hồ sơ và quyết định phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không. Trường hợp không phê duyệt, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Điều 20. Yêu cầu đối với việc khai thác quyền vận chuyển hàng không

1. Hãng hàng không chỉ được phép kinh doanh vận chuyển hàng không trong phạm vi quyền vận chuyển hàng không được cấp.

2. Các hãng hàng không không được mua bán quyền vận chuyển hàng không, thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc cạnh tranh không lành mạnh.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

1. Kiểm tra và tiến hành các thủ tục công nhận, thừa nhận hiệu lực của các tài liệu về khai thác, bảo dưỡng tàu bay theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ công bố các đường bay thiết yếu theo công bố của Chính phủ về vùng khó khăn với các tiêu chí về thu nhập đầu người, mức độ khó khăn đối với các phương tiện vận tải khác, tác động của đường bay đối với phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

3. Chỉ định hãng hàng không Việt Nam khai thác các đường bay thiết yếu với tần suất thích hợp theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra, giám sát các hoạt động:

a) Bảo đảm duy trì các điều kiện được cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung của hãng hàng không và ban hành Sổ tay hướng dẫn để thực hiện công tác này;

b) Thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân Việt Nam, nước ngoài và các điều kiện, yêu cầu trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân này sau khi được cấp, sửa đổi, bổ sung các văn bản, giấy tờ theo quy định tại Thông tư này;

c) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, quy trình phục vụ hành khách theo quy định của pháp luật về chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ liên quan đến vận chuyển hàng không đảm bảo hoạt động vận chuyển hàng không hiệu quả, điều hòa.

5. Ban hành Sổ tay hướng dẫn kiểm tra, giám sát các hãng hàng không bao gồm các nội dung sau:

a) Mục đích, mục tiêu của việc kiểm tra, giám sát các hãng hàng không;

b) Nguyên tắc, nội dung, phương thức (bao gồm chế độ thông tin, báo cáo của các hãng hàng không), trình tự tiến hành việc kiểm tra, giám sát.

6. Thông báo về chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thuế, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam đặt văn phòng.

7. Gửi Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận đến các Sở Kế hoạch - Đầu tư của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính, các Cảng vụ hàng không và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

8. Hủy, thu hồi, đình chỉ giấy phép, giấy chứng nhận, việc chấp thuận, việc cấp quyền trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, quyền hoặc được chấp thuận có hành vi vi phạm các quy định của Thông tư này hoặc pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, quyền hoặc được chấp thuận không còn đủ điều kiện được cấp hoặc được chấp thuận theo quy định;

c) Các bên liên quan chấm dứt hợp đồng, thỏa thuận;

d) Cố ý lập hồ sơ, báo cáo trong quá trình thẩm định không trung thực;

đ) Các văn bản, giấy tờ tương ứng theo quy định tại Thông tư này hết thời hạn hiệu lực theo quy định.

9. Tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện để nghiên cứu, giải quyết kịp thời.

Điều 22. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân Việt Nam, nước ngoài và các điều kiện, yêu cầu trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân này tại cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Thông tư này.

2. Tổng hợp, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện để nghiên cứu, giải quyết kịp thời.

Điều 23. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến vận chuyển hàng không chịu sự giám sát của Cục Hàng không Việt Nam, các Cảng vụ hàng không theo quy định của pháp luật và của Thông tư này.

Điều 24. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành[13]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

2. Bãi bỏ Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 01/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2019

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

---

[13] Điều 2 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 quy định như sau:

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC THUÊ, CHO THUÊ TÀU BAY

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty/hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đề nghị chấp thuận việc thuê/cho thuê tàu bay

Giữa

Tên công ty/hãng hàng không.....

Và

Tên công ty/hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động thuê, cho thuê tàu bay.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:
-.....;
-.....;

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐIỀU LỆ VẬN CHUYỂN

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty/hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên công ty/hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đề nghị chấp thuận đăng ký điều lệ vận chuyển hành khách và hành lý/hàng hóa

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến điều lệ vận chuyển hành khách và hành lý/hàng hóa.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:
-.....;
-.....;
-.....

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VĂN PHÒNG BÁN VÉ

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tóm tắt quá trình hoạt động của hãng hàng không.....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và/hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ số nhà, đường, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm tại.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:
-.....;
-.....;
-.....

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV[14]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VĂN PHÒNG BÁN VÉ

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp):.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Giấp phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và/hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam đã được cấp số:.....

Tóm tắt quá trình hoạt động của hãng hàng không:

.....

.....

.....

[14] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

Đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và/hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

[Ví dụ:

Tên của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ số nhà, đường, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....]

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:
-.....;
-.....;
-.....

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN CỦA PHÁP NHÂN VIỆT NAM CHO HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):....
Tên công ty viết tắt (nếu có):.....
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....
Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....
Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....
Lĩnh vực hoạt động chính:.....
Vốn điều lệ:.....
Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website (nếu có).....
Đại diện theo pháp luật:
Họ và tên:.....
Chức vụ:.....
Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

Giữa

Tên Công ty.....
Trụ sở chính:.....
Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày..... tháng..... năm..... do..... cấp với ngành nghề.....

Và

Tên hãng hàng không.....
Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....
Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và phạm vi hoạt động đại diện được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:
-.....;
-.....;
-.....

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VI[15]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VĂN PHÒNG BÁN VÉ, PHÁP NHÂN VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN CHO HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

.....(ghi tên theo Giấy phép)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/pháp nhân Việt Nam của (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân ghi trên Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....

Thông báo chính thức hoạt động kể từ ngày.... tháng.... năm..... với nội dung như sau:

I. Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/pháp nhân Việt Nam

Tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/pháp nhân Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/pháp nhân Việt Nam trong Giấy phép/Giấy chứng nhận).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Giấy phép/Giấy chứng nhận).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do..... cấp ngày:..... tháng... năm.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé/pháp nhân Việt Nam (ghi theo Giấy phép/Giấy chứng nhận).....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... (nếu có)

Số tài khoản ngoại tệ tại Việt Nam:..... tại Ngân hàng: (nếu có).....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

---

[15] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

II. Nhân sự của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/pháp nhân Việt Nam

1. Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/pháp nhân Việt Nam

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:.....

Do:..... cấp ngày:..... tháng..... năm..... tại.....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam):.....

2. Lao động làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/pháp nhân Việt Nam

- Lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/pháp nhân Việt Nam: (ghi rõ họ và tên, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của từng người);

- Lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/Pháp nhân Việt Nam: (ghi rõ họ và tên, giới tính, số chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/Pháp nhân Việt Nam của từng người)

Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (tên theo Giấy phép) đã làm thủ tục đăng tin thông báo hoạt động trên báo (nêu tên tờ báo viết hoặc báo điện tử) số ra ngày..... háng..... năm..... (nội dung chỉ yêu cầu đối với Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé).

Các tài liệu kèm theo (áp dụng với Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé):

1. Giấy biên nhận của cơ quan báo viết hoặc báo điện tử về việc nhận đăng thông báo hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé hoặc các giấy tờ khác chứng minh việc đã đăng báo;

2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé do cơ quan công an cấp;

3. Bản sao giấy đăng ký mở tài khoản của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé tại Ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam;

4. Bản sao các tài liệu bao gồm: thị thực nhập cảnh, hợp đồng lao động của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé; sơ yếu lý lịch (có xác nhận của địa phương), hợp đồng lao động của lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé; hộ chiếu, thị thực nhập cảnh, hợp đồng lao động của lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

Cục Hàng không Việt Nam xác nhận đã nhận được thông báo hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/Pháp nhân Việt Nam

Người đứng đầu
Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/ pháp nhân Việt Nam
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII[16]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VĂN PHÒNG BÁN VÉ
Năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (ghi rõ tên theo Giấy phép) báo cáo hoạt động của Văn phòng trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm.... đến ngày 31 tháng 12 năm..., với nội dung cụ thể như sau:

I. Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:

Tên Văn phòng: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé trong Giấy phép).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Giấy phép).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do..... cấp ngày..... tháng... năm.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng: (ghi theo Giấy phép).....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... (nếu có)

Số tài khoản ngoại tệ tại Việt Nam:..... tại Ngân hàng: (nếu có).....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

II. Nhân sự của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé

1. Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:.....

Do:..... cấp ngày:..... tháng..... năm..... tại.....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam):.....

---

[16] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

2. Lao động làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé

- Lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ họ và tên, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện của từng người);

- Lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ họ và tên, giới tính, số chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của từng người)

3. Tình hình thay đổi nhân sự trong năm (báo cáo chi tiết về):

- Thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (nếu có)

- Thay đổi số lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (nếu có)

- Thay đổi số lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (nếu có)

4. Tình hình thực hiện chế độ đối với người lao động làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: lương, thưởng, bảo hiểm, các hoạt động khác...

III. Hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé

1. Tình hình hoạt động thực tế trong năm:

(Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé chỉ báo cáo các nội dung hoạt động trong phạm vi Giấy phép nếu có)

2. Các hoạt động khác: quảng cáo, hội chợ, trưng bày, triển lãm... theo quy định của pháp luật, các hoạt động xã hội (nếu có).....

IV. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm của Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé và kiến nghị, đề xuất:

1. Đánh giá chung:.....

2. Kiến nghị, đề xuất:.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung Báo cáo.

Người đứng đầu
Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VĂN PHÒNG BÁN VÉ.....

(*ghi tên theo Giấy phép)*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh) số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng.... năm..... tại.....

Xin thông báo đã thực hiện đầy đủ việc thanh toán các khoản nợ và hoàn thành các nghĩa vụ có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của:

Tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé trong Giấy phép).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong đơn đề nghị)

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do..... cấp ngày:..... tháng..... năm.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày... tháng năm... đến ngày... tháng... năm...

Địa chỉ trụ sở Văn phòng (ghi địa điểm đặt Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé theo Giấy phép).....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... (nếu có)

Chúng tôi xin cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông báo này.

Các tài liệu kèm theo:

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

2. Giấy biên nhận của cơ quan báo viết hoặc báo điện tử về việc dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé hoặc các giấy tờ khác chứng minh việc đã đăng báo.

3. Bản sao giấy tờ chứng minh Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan của Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không nước ngoài

(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IX[17]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP

(Áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp):.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp Việt Nam (nêu rõ tên tổ chức, cá nhân).

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

---

[17] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp;
- Bản sao mẫu vận đơn thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận;
- Biên lai nộp lệ phí.

Phụ lục X[18]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP

(Áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp:.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp Việt Nam đã hoàn thành thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận ký ngày... tháng... năm.....

Giữa

Tên Công ty.....

---

[18] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

Trụ sở chính:.....
Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày...../...../.....
do..... cấp với ngành nghề.....
Và
Tên doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.....
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....
.....
Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....
Do:..... cấp ngày..... tháng.....năm..... tại.....
Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)
Họ và tên:.....
Chức vụ:.....
Quốc tịch:.....
Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không của doanh nghiệp Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp;

- Bản sao mẫu vận đơn thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;

- Bản sao hợp đồng chỉ định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;

- Biên lai nộp lệ phí.

PHỤ LỤC XI

(*(Ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày... tháng..... năm..... tại.....

Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay..... do..... cấp ngày.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp quyền khai thác thương mại vận chuyển hàng không với các điều kiện về:

Hãng hàng không;

Đường bay; tàu bay khai thác;

Chuyến bay và đối tượng vận chuyển;

Kế hoạch bay dự kiến.

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh vận chuyển hàng không trong phạm vi quyền vận chuyển hàng không được cấp.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC XII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HỢP ĐỒNG HỢP TÁC LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính; (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày... tháng..... năm... tại.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không ký ngày... tháng... năm...

Giữa (nêu tên Hãng hàng không, trụ sở chính):.....

Và: (nêu tên Hãng hàng không, trụ sở chính):.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Tài liệu gửi kèm theo bao gồm:
-.....;
-.....;
-.....

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XIII[19]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-CHK	*Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG BÁN VÉ/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Cấp lần đầu ngày..... tháng.... năm...
Cấp lại lần thứ.... ngày..... tháng... năm...

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ.....;
Căn cứ.....;
Căn cứ.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép hãng hàng không:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Lĩnh vực hoạt động chính:.....

được thành lập Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện tại.....

Điều 2. Tên Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện
- Tên Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện:.....
- Tên viết tắt:.....
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Điều 3. Địa chỉ đặt Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện:.....
.....

Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện

[19] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

- Họ và tên:.....
- Quốc tịch:.....
- Số hộ chiếu:..... do..... cấp ngày..../...../.....

Điều 5. Phạm vi hoạt động của Văn phòng bán vé/Văn phòng đại diện

1.....

2.....

Điều 6. Trách nhiệm của hãng hàng không được cấp Giấy phép

1.....

2.....

Điều 7. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, đóng dấu)

Phụ lục XIV[20]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GCN-CHK	*Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY CHỨNG NHẬN
đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

Cấp lần đầu ngày..... tháng.... năm...
Cấp lại lần thứ.... ngày..... tháng... năm...

Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

1. Tên doanh nghiệp.....
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do..... cấp.... /..../.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Lĩnh vực hoạt động chính:.....
5. Phạm vi hoạt động đại diện.....
6. Trách nhiệm của Công ty được cấp Giấy chứng nhận:.....
7. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày ký./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(Ký, đóng dấu)

Nơi nhận:
-.....;
-.....;
- Lưu: VT,...

[20] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

Phụ lục XV[21]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GCN-CHK	*Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY CHỨNG NHẬN
đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp/đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài

Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

1. Tên doanh nghiệp.....
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do..... cấp..../..../...
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Lĩnh vực hoạt động chính:.....
5. Phạm vi hoạt động.....
6. Trách nhiệm của Công ty được cấp Giấy chứng nhận:.....
7. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận.

Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: -.....; -.....; - Lưu: VT,...;	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP** (Ký, đóng dấu)

[21] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

Phụ lục XVI[22]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
CỦA PHÁP NHÂN VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN CHO HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Pháp nhân Việt Nam (ghi rõ tên theo Giấy phép) báo cáo hoạt động của Công ty trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm..... đến ngày 31 tháng 12 năm....., với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của pháp nhân Việt Nam

Tên Công ty: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Công ty trong Giấy chứng nhận).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Giấy chứng nhận).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do..... cấp ngày..... tháng.... năm.....

Địa chỉ trụ sở của Công ty: (ghi theo Giấy chứng nhận).....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... (nếu có)

II. Hoạt động của pháp nhân Việt Nam

1. Nội dung hoạt động của Công ty (ghi cụ thể theo Giấy chứng nhận):.....
.....

2. Tình hình hoạt động thực tế trong năm:

(Công ty chỉ báo cáo các nội dung trong phạm vi hoạt động của Giấy chứng nhận nếu có).....

3. Thống kê số lượng hãng hàng không Công ty đang thực hiện hoạt động đại diện.....

4. Thông tin thay đổi về nhân sự của Công ty (người đứng đầu, nhân viên).....

---

[22] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

III. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm của pháp nhân Việt Nam và kiến nghị, đề xuất:

1. Đánh giá chung:.....

2. Kiến nghị, đề xuất:.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung báo cáo.

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XVII[23]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ĐĂNG KÝ XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP
Năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Doanh nghiệp Việt Nam (ghi rõ tên theo Giấy phép) báo cáo hoạt động của Công ty trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm..... đến ngày 31 tháng 12 năm...., với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của doanh nghiệp Việt Nam

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Địa chỉ: (*ghi tất cả địa chỉ trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh và các cơ sở khác*).....

3. Điện thoại liên lạc:.....

4. Email:.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ sở khác do cơ quan có thẩm quyền cấp: (*ghi mã số Giấy chứng nhận, ngày cấp, cấp lại, cơ quan cấp*).....

6. Giấy chứng nhận quyền sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê trụ sở: (*ghi mã số Giấy chứng nhận, ngày cấp, cơ quan cấp hoặc tên tổ chức, cá nhân cho thuê nhà và ngày ký hợp đồng và thời hạn hợp đồng*).....

7. Người đại diện Pháp luật:.....

II. Tình hình hoạt động thực tế trong năm

1. Tổng số vận đơn xuất trong năm:.....

2. Tổng số lao động của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao nhận: *(nêu rõ tên, số lượng lao động, chức vụ)*:.....

---

[23] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018

III. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm của Công ty và kiến nghị, đề xuất:

1. Đánh giá chung:.....

2. Kiến nghị, đề xuất:.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung Báo cáo.

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)